

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Một khách hàng phản ánh máy tính của họ chạy chậm và thường xuyên bị treo. Để giải quyết tình huống này, người kỹ thuật viên nên thực hiện những bước nào?

- A. Chỉ cài đặt lại hệ điều hành mới mà không xem xét và kiểm tra tình trạng của các linh kiện phần cứng trong máy tính.
- B. Kiểm tra kỹ lưỡng cả phần cứng (như RAM, ổ cứng, nhiệt độ máy) và phần mềm (cập nhật driver, quét virus, tối ưu hóa hệ thống) để xác định chính xác nguyên nhân gây ra tình trạng chậm máy.
- C. Đề xuất khách hàng mua một máy tính mới thay vì cố gắng sửa chữa máy tính cũ, giúp tiết kiệm thời gian và công sức.
- D. Chỉ tiến hành kiểm tra phần cứng và thay thế các linh kiện bị hỏng mà không cần kiểm tra phần mềm trên hệ thống.

Câu 2: Ngoài kiến thức chuyên môn về phần cứng, phần mềm và mạng, kỹ năng mềm nào được nhấn mạnh là cần thiết cho người làm nghề sửa chữa máy tính?

- A. Kỹ năng giao tiếp và quản lý thời gian.
- B. Kỹ năng ngoại ngữ chuyên sâu.
- C. Kỹ năng thiết kế đồ họa.
- D. Kỹ năng nấu ăn.

Câu 3: Mục tiêu chính của dịch vụ sửa chữa và bảo trì máy tính là gì?

- A. Thiết kế và phát triển các trang web và ứng dụng di động cho các doanh nghiệp và cá nhân.
- B. Sản xuất và cung cấp các linh kiện máy tính chất lượng cao cho thị trường công nghệ thông tin.
- C. Đảm bảo máy tính và các thiết bị liên quan hoạt động ổn định, hiệu quả và kéo dài tuổi thọ của chúng.
- D. Phát triển các phần mềm ứng dụng mới cho máy tính cá nhân và các thiết bị điện tử khác.

Câu 4: Tại sao kỹ năng giao tiếp lại được coi là quan trọng trong nghề sửa chữa và bảo trì máy tính?

- A. Để giúp người kỹ thuật viên có thể hiểu rõ vấn đề của khách hàng và tư vấn các giải pháp kỹ thuật một cách dễ hiểu và hiệu quả.
- B. Để có thể trình bày các báo cáo dự án và các đề xuất kỹ thuật cho cấp trên hoặc đồng nghiệp trong công ty.
- C. Để có thể thuyết phục khách hàng mua các linh kiện máy tính đắt tiền hoặc các dịch vụ sửa chữa cao cấp.
- D. Để tăng cường khả năng thiết kế và phát triển các trang web hoặc ứng dụng phần mềm cho khách hàng.

Câu 5: Công việc nào sau đây thuộc phạm vi bảo trì phần mềm?

- A. Thay màn hình máy tính.
- B. Tháo lắp bo mạch chủ.
- C. Cài đặt và cấu hình các ứng dụng văn phòng.
- D. Lắp đặt thiết bị mạng.

Câu 6: Công việc nào sau đây thuộc phạm vi sửa chữa, bảo trì phần cứng?

- A. Cập nhật phần mềm điều khiển thiết bị ngoại vi.
- B. Cài đặt hệ điều hành.
- C. Thay thế RAM hoặc ổ cứng.
- D. Quét và loại bỏ virus.

Câu 7: Để đảm bảo hệ thống CNTT hoạt động ổn định, chuyên gia quản trị và bảo trì hệ thống cần thực hiện công việc nào sau đây?

- A. Chỉ tập trung vào việc sao lưu dữ liệu
- B. Chỉ giám sát hiệu suất của hệ thống
- C. Chỉ nâng cấp thiết bị mạng mà không can thiệp vào phần mềm
- D. Cài đặt, cập nhật hệ điều hành và xử lý sự cố phần mềm – phần cứng

Câu 8: Tại sao các sự cố an ninh mạng như WannaCry và các vụ tấn công mạng nhắm vào các hãng hàng không hoặc Sony lại làm tăng nhu cầu về chuyên gia quản trị CNTT?

- A. Vì chỉ cần thay thế các linh kiện phần cứng bị hỏng là có thể khắc phục hoàn toàn các vấn đề an ninh mạng.
- B. Vì những sự cố này gây ra những thiệt hại nghiêm trọng về tài chính và uy tín, đòi hỏi phải có các biện pháp quản trị, bảo mật và khắc phục sự cố hiệu quả.
- C. Vì các sự cố này chỉ xảy ra trên các hệ thống máy tính cũ hoặc các phần mềm lỗi thời, không ảnh hưởng đến các hệ thống mới.
- D. Vì các sự cố này chỉ gây ra ảnh hưởng đến phần mềm của hệ thống, không liên quan đến các vấn đề về phần cứng của máy tính.

Câu 9: Công việc nào sau đây thuộc phạm vi bảo mật hệ thống thông tin trong ngành CNTT?

- A. Cấu hình các thiết bị định tuyến (router) và tường lửa (firewall) để kiểm soát lưu lượng mạng.
- B. Lắp đặt và cấu hình các thiết bị mạng mới như switch, access point và các thiết bị kết nối khác.
- C. Nâng cấp các thành phần phần cứng của máy tính như RAM, ổ cứng và card đồ họa để cải thiện hiệu suất.
- D. Triển khai các biện pháp phòng chống tấn công mạng và giám sát các hoạt động xâm nhập trái phép vào hệ thống.

Câu 10: Những kiến thức cơ bản cần có đối với người làm nghề quản trị CNTT bao gồm:

- A. Kiến thức kỹ thuật về sản xuất phần cứng máy tính và kỹ thuật điện tử, bao gồm cả việc thiết kế và sửa chữa các thiết bị.
- B. Kiến thức nền tảng về mạng máy tính, bảo mật thông tin, quản trị hệ thống và các quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực CNTT.
- C. Kiến thức chuyên sâu về thiết kế đồ họa, marketing kỹ thuật số và truyền thông đa phương tiện trên nền tảng trực tuyến.
- D. Kiến thức chuyên môn về lập trình web, phát triển ứng dụng di động và các công nghệ trí tuệ nhân tạo.

Câu 11: Nhiệm vụ chính của chuyên gia quản trị mạng là gì?

- A. Cài đặt, cấu hình, bảo mật và theo dõi hiệu suất hoạt động của hệ thống mạng máy tính.
- B. Nghiên cứu và sản xuất các thiết bị mạng mới để cung cấp cho thị trường công nghệ thông tin.
- C. Quản lý và bảo vệ dữ liệu thông tin của khách hàng trong hệ thống cơ sở dữ liệu.
- D. Chỉ thực hiện việc cài đặt các phần mềm ứng dụng văn phòng trên máy tính của người dùng.

Câu 12: Một người dùng muốn truyền tệp từ máy tính sang điện thoại qua Bluetooth. Quy trình đúng bao gồm các bước nào sau đây?

- A. Bật Bluetooth trên máy tính, thiết lập kết nối trực tiếp với thiết bị điện thoại, truyền tệp.
- B. Sử dụng kết nối dây USB để truyền dữ liệu, thay vì sử dụng kết nối không dây qua Bluetooth.
- C. Bật Bluetooth trên điện thoại, bỏ qua bước ghép đôi thiết bị, truyền tệp ngay lập tức.
- D. Bật Bluetooth hai máy, dò tìm thiết bị, ghép đôi, chọn lệnh gửi tệp trên máy tính, xác nhận trên điện thoại.

Câu 13: Quá trình ghép đôi Bluetooth giữa máy tính và điện thoại bao gồm:

- A. Máy tính tự động gửi mã xác thực mà không cần thao tác nào thêm
- B. Phải kết nối qua cáp USB trước khi có thể bật Bluetooth ghép đôi
- C. Máy tính quét thiết bị, chọn và gửi mã xác thực để điện thoại chấp nhận
- D. Điện thoại chủ động gửi yêu cầu kết nối với máy tính mà không cần xác nhận

Câu 14: Công nghệ Bluetooth được sử dụng chủ yếu để:

- A. Chuyển đổi tín hiệu số sang tín hiệu analog
- B. Kết nối máy tính với màn hình qua cáp
- C. Kết nối thiết bị với Internet
- D. Kết nối các thiết bị số trong phạm vi gần không dây

Câu 15: Chế độ “Extend” (Mở rộng) khi kết nối màn hình được sử dụng để:

- A. Mở rộng không gian làm việc, cho phép kéo thả ứng dụng giữa các màn hình
- B. Hiển thị cùng một nội dung giống nhau trên cả hai màn hình được kết nối
- C. Tắt màn hình chính và chỉ sử dụng màn hình phụ để hiển thị nội dung
- D. Chỉ sử dụng màn hình chính và vô hiệu hóa màn hình mở rộng đi kèm

Câu 16: Thiết bị hiển thị là gì?

- A. Thiết bị chuyển đổi tín hiệu âm thanh kỹ thuật số.
- B. Thiết bị kết nối mạng không dây cục bộ.
- C. Thiết bị dùng để lưu trữ dữ liệu điện tử.
- D. Thiết bị điện tử tạo ra hình ảnh trực quan.

Câu 17: Trong quá trình kết nối thiết bị nhà thông minh, bước thiết lập kết nối ban đầu giữa điện thoại và thiết bị được thực hiện qua:

- A. Kết nối có dây bằng cổng giao tiếp dữ liệu USB.
- B. Kết nối có dây bằng cổng xuất hình ảnh HDMI.
- C. Kết nối trực tiếp qua mạng Internet toàn cầu.
- D. Kết nối cục bộ bằng Bluetooth hoặc Wi-Fi tạm thời.

Câu 18: Trong quá trình thiết lập chế độ hiển thị trên máy tính Windows, tổ hợp phím nào được sử dụng?

- A. Ctrl + P
- B. Alt + P
- C. Shift + P
- D. Windows + P

Câu 10: Một số cổng kết nối phổ biến cho thiết bị hiển thị là:

- A. USB và Ethernet
- B. RJ11 và RJ45
- C. VGA và HDMI
- D. DVI và Thunderbolt

Câu 19 : Một trang web đầy đủ nhất thường có ba phần chính là:

- A. Header, body và footer
- B. Logo, banner và liên kết
- C. Menu, nội dung và quảng cáo
- D. Header, sidebar và footer

Câu 20: Phần thân trang (body) của website thường được bố trí thành các khối hình chữ nhật để:

- A. Chỉ hiển thị văn bản mà không chứa hình ảnh hay video
- B. Liên kết trực tiếp đến các trang web khác trên Internet
- C. Bố trí không gian phù hợp cho quảng cáo và nội dung khác
- D. Phân chia nội dung thành từng phần để hiển thị rõ ràng hơn

Câu 21: Tại sao cần xác định mục đích và đối tượng người dùng khi xây dựng trang web?

- A. Giảm chi phí quảng cáo và tối ưu hóa ngân sách tiếp thị
- B. Xây dựng nội dung, giao diện phù hợp với nhu cầu người dùng
- C. Giúp tối ưu tốc độ tải và cải thiện hiệu suất hiển thị nội dung
- D. Mở rộng số lượng trang phụ để tăng lượng thông tin hiển thị

Câu 22: Khi xây dựng website du lịch, phần header nên chứa:

- A. Chỉ hiển thị tiêu đề bài viết mà không có nội dung khác đi kèm
- B. Logo, tên trang, thanh điều hướng và biểu tượng đại diện trang
- C. Chỉ bao gồm hình nền trang trí và màu sắc phù hợp với chủ đề

D. Các liên kết mạng xã hội và quảng cáo dịch vụ du lịch liên quan

Câu 23 : Favicon là:

- A.** Thành phần chứa và hiển thị nội dung chính của website
- B.** Một công cụ giúp tạo và hiển thị biểu đồ trên trang web
- C.** Biểu tượng nhỏ trên tab trình duyệt đại diện cho website
- D.** Hình ảnh nền hiển thị phía sau nội dung trang web

Câu 24: Phần chân trang (footer) thường bao gồm:

- A.** Nội dung bài viết chính và các đoạn văn bản chi tiết
- B.** Bản quyền, thông tin liên hệ và liên kết mạng xã hội
- C.** Logo của website cùng với hình nền trang trí phù hợp
- D.** Thanh điều hướng chính để truy cập các trang quan trọng

Câu 24: Phần đầu trang (header) thường chứa những thành phần nào sau đây?

- A.** Logo, tên trang, thanh điều hướng và khu vực thông báo
- B.** Chỉ có một hình nền trang trí mà không chứa nội dung khác
- C.** Liên kết mạng xã hội, thông tin liên hệ và các tiện ích khác
- D.** Nội dung bài viết chính cùng với các hình ảnh minh họa

Câu 25: Sự khác biệt cơ bản giữa trang web đơn giản và website là:

- A.** Website không cần bố cục trang, chỉ yêu cầu văn bản và hình ảnh
- B.** Trang đơn lẻ có nội dung riêng, còn website là tập hợp nhiều trang liên kết
- C.** Trang đơn giản có nhiều tính năng tương tác hơn một website hoàn chỉnh
- D.** Không có sự khác biệt về cấu trúc, chỉ khác nhau ở cách đặt tên

Câu 26: Giao diện đầu tiên của Google Sites gồm bao nhiêu phần chính?

- A.** 3 phần **B.** 2 phần **C.** 4 phần **D.** 5 phần

Câu 27: Tại sao tên trang web nên được đặt ngắn gọn trong quá trình xây dựng phần đầu trang?

- A.** Vì tên trang được gán vào URL, nên cần dễ nhớ và ngắn gọn
- B.** Vì tên trang không ảnh hưởng đến giao diện
- C.** Vì tên ngắn gọn giúp hiển thị tốt trên các thiết bị di động
- D.** Vì tên trang ngắn gọn giúp tăng tốc độ tải trang

Câu 28: Nếu muốn thêm thông báo “Trang web đang được xây dựng” vào đầu trang, bạn cần:

- A.** Nhập nội dung vào tiêu đề để hiển thị trên trang web
- B.** Nhập thông báo, chỉnh màu chữ và bật hiển thị trên trang
- C.** Thay đổi kích thước hình nền để làm nổi bật phần tiêu đề
- D.** Chỉnh sửa tên tệp trang web để phản ánh trạng thái cập nhật

Câu 29: Khi chọn chủ đề cho trang web, cần lưu ý điều gì?

- A.** Chỉ tập trung vào văn bản mà không quan tâm giao diện
- B.** Chọn ngẫu nhiên mà không cần cân nhắc nội dung trang
- C.** Không cần xem xét nội dung hay mục đích sử dụng
- D.** Chọn chủ đề phù hợp với mục tiêu và đối tượng người dùng

Câu 30: Khi xây dựng phần đầu trang cho trang web “Tiệm ản - Việt Nam”, các bước chính cần thực hiện gồm:

- A.** Đặt logo, tên trang, ảnh nền, tiêu đề, xem trước, xuất bản
- B.** Chỉ tạo thanh điều hướng và thêm phần chân trang phù hợp
- C.** Chỉ thiết lập ảnh nền và tiêu đề chính hiển thị trên trang
- D.** Chỉ nhập tên trang rồi xuất bản ngay mà không chỉnh sửa

Câu 31: Khi nhấp chuột vào “Thêm biểu tượng” trong phần đầu trang, người dùng có thể chọn ảnh từ:

- A.** Chỉ sử dụng ảnh được lưu trong thư viện Google Photos trực tuyến
- B.** Chỉ tải hình ảnh trực tiếp từ bộ nhớ của thiết bị cá nhân
- C.** Google Drive, tải lên, Google Photos hoặc tìm kiếm trên Internet
- D.** Chỉ chọn hình ảnh có sẵn trong kho lưu trữ Google Drive cá nhân

Câu 32: Phần chân trang (footer) của trang web thường chứa những thông tin nào?

- A.** Thương hiệu, bản quyền, liên hệ và liên kết mạng xã hội **B.** Chỉ có hình nền không có nội dung khác đi kèm
- C.** Thanh tìm kiếm và các biểu tượng ứng dụng hỗ trợ **D.** Logo cùng với tên gọi chính thức của trang web

Câu 33: Để chèn bản đồ vào trang web, người dùng cần sử dụng lệnh nào trong bảng chọn “Chèn”?

- A.** Hộp văn bản **B.** Nhúng **C.** Drive **D.** Bản đồ

Câu 34: Khi chèn đối tượng (ví dụ: bản đồ) vào trang web, người dùng có thể chỉnh sửa bằng cách:

- A.** Chỉ thay đổi kích thước hiển thị của đối tượng trên trang
- B.** Kéo-thả, thay đổi kích thước, sao chép hoặc xóa đối tượng
- C.** Chỉ thực hiện thao tác xóa hoặc sao chép khi cần thiết
- D.** Không thể chỉnh sửa sau khi đã chèn vào trang web

Câu 35: Mục đích của việc chia phần thân trang thành các khối nội dung là gì?

- A. Tổ chức, phân chia nội dung rõ ràng, mạch lạc hơn B. Bố trí không gian hiển thị quảng cáo trên trang web
C. Cải thiện tốc độ tải trang và tối ưu hiệu suất hiển thị D. Tạo hiệu ứng động giúp trang web trở nên sinh động

Câu 36: Khi xây dựng phần thân trang cho một website du lịch trên Google Sites, bước nào sau đây là KHÔNG cần thiết?

- A. Chọn bảng chọn "Chèn" và nhấp vào biểu tượng Hộp văn bản để thêm khối nội dung
B. Nhập tiêu đề và văn bản bài viết dưới ảnh
C. Viết mã HTML thủ công để tạo bố cục trang
D. Sử dụng lệnh chèn Hình ảnh để thêm ảnh vào khối nội dung

Câu 37: Tại sao cần chỉnh kích thước và vị trí của đối tượng trong phần thân trang?

- A. Giúp thay đổi giao diện trang web theo từng thời điểm khác nhau
B. Tăng số lượng đối tượng hiển thị để làm phong phú nội dung
C. Tự động xóa bỏ các đối tượng không còn cần thiết trên trang
D. Đảm bảo bố cục hài hòa và nội dung hiển thị đúng ý muốn

Câu 38: Trong giao diện tạo phần thân trang web của Google Sites, có bao nhiêu bảng chọn lệnh chính ở khung bên phải?

- A. 4 B. 1 C. 2 D. 3

Câu 39: Trong bảng chọn "Chèn" của Google Sites, các nhóm lệnh chính gồm:

- A. Văn bản và hình ảnh để hiển thị nội dung cơ bản
B. Văn bản, hình ảnh, video để trình bày nội dung đa phương tiện
C. Văn bản, hình ảnh, nhúng, Drive, thành phần, đối tượng
D. Trang và giao diện để thiết lập bố cục tổng thể

Câu 40 : Trang con của một trang chủ là gì?

- A. Một trang hoạt động riêng lẻ, không liên quan đến trang chủ
B. Một trang cố định và không thể thay đổi hay chỉnh sửa nội dung
C. Một trang chứa nội dung ngẫu nhiên không có cấu trúc cố định
D. Một trang thuộc hệ thống và liên kết trực tiếp với trang chủ

Câu 41: Khi nhấp vào "Đọc tiếp" trong một bài giới thiệu trên trang chủ, điều gì xảy ra?

- A. Người dùng được chuyển đến trang con với đầy đủ thông tin
B. Một cửa sổ cảnh báo xuất hiện yêu cầu xác nhận thao tác
C. Trang web sẽ tải lại và hiển thị nội dung như ban đầu
D. Không có phản hồi hoặc thay đổi nào diễn ra trên trang

Câu 42: Khi tạo thanh điều hướng trên trang web trong Google Sites, bạn cần thực hiện thao tác nào?

- A. Viết mã CSS để tạo thanh điều hướng thủ công.
B. Thêm ảnh thanh điều hướng, đặt liên kết từng mục.
C. Mở bảng "Trang", sắp xếp trang, cài đặt vị trí điều hướng.
D. Dùng Google Forms tạo menu điều hướng.

Câu 43: Mô hình tổ chức trang web theo dạng cây giúp:

- A. Dễ dàng tổ chức nội dung và quản lý liên kết giữa các trang
B. Cải thiện giao diện và làm cho trang web hiển thị đẹp hơn
C. Tăng tốc độ tải trang và tối ưu hiệu suất hiển thị nội dung
D. Giảm dung lượng tổng thể của trang web để tiết kiệm tài nguyên

Câu 44: Để tạo trang con trong Google Sites, ta thực hiện thao tác nào?

- A. Không thể tạo trang con trong Google Sites theo cách thông thường
B. Chỉnh sửa tiêu đề trang chủ để tạo thêm nội dung mới
C. Vào "Trang", nhấn dấu "+" và thêm trang con vào danh sách
D. Chọn "Chèn" và thêm hộp văn bản để hiển thị thông tin

Câu 45: Để tạo trang con "Mùa Cày Chải" trong Google Sites, bạn cần thực hiện thao tác nào?

- A. Vào "Trang", nhấn "+", chọn "Thêm trang con", đặt tên, nhấn "Xong"
B. Tạo tài khoản Google Sites mới để có thể thêm trang con
C. Mở Google Docs, tạo trang mới và nhập nội dung liên quan
D. Vào "Chủ đề", chọn màu sắc phù hợp với phong cảnh địa phương

Câu 46: Thanh điều hướng có chức năng gì?

- A. Giúp người dùng dễ dàng di chuyển giữa các trang
B. Hiển thị hình ảnh trang web để tăng tính thẩm mỹ
C. Chỉ xuất hiện khi trang web được mở trên điện thoại
D. Không có vai trò quan trọng trong trải nghiệm người dùng

Câu 47: Khi tạo liên kết trong bài giới thiệu, cần thực hiện thao tác nào?

- A. Nhập đường dẫn trực tiếp vào nội dung hiển thị trên trang
B. Không thể thêm liên kết trực tiếp trong Google Sites

C. Chọn văn bản, nhấp biểu tượng liên kết, nhập đường dẫn, áp dụng

D. Không cần tạo, Google Sites sẽ tự động nhận diện liên kết

Câu 48: Điều gì xảy ra khi người dùng truy cập trang web trên điện thoại?

A. Thanh điều hướng bị xóa và không còn hoạt động

B. Giao diện tự động điều chỉnh để phù hợp với màn hình nhỏ

C. Các trang con bị ẩn và không thể truy cập bình thường

D. Trang web không thể hiển thị do lỗi kích thước màn hình

Câu 49: Vì sao việc sử dụng Google Forms để thu thập ý kiến phản hồi trên trang web mang lại hiệu quả cao?

A. Có khả năng tạo ra các hiệu ứng đồ họa phức tạp cho biểu mẫu.

B. Tự động dịch biểu mẫu sang nhiều ngôn ngữ khác nhau.

C. Tích hợp trực tiếp với các phần mềm thiết kế chuyên nghiệp.

D. Dễ dàng tạo biểu mẫu và thu thập dữ liệu nhanh chóng.

Câu 50: Khi nhúng biểu mẫu vào Google Sites, biểu mẫu sẽ xuất hiện ở đâu?

A. Trên thanh điều hướng chính của trang web

B. Không thể nhúng trực tiếp biểu mẫu vào Google Sites

C. Cuối trang chủ hoặc tại vị trí được chọn trong trang

D. Chỉ hiển thị dưới dạng một đường liên kết nhấp vào

Câu 51: Khi tạo biểu mẫu, vì sao nên đặt câu hỏi dạng bắt buộc?

A. Giúp biểu mẫu dài hơn và có nhiều nội dung hơn B. Hạn chế số lượng câu trả lời được gửi vào hệ thống

C. Cho phép người dùng bỏ qua nếu không muốn trả lời

D. Đảm bảo người dùng trả lời đầy đủ các câu hỏi quan trọng

Câu 52: Loại câu hỏi nào sau đây chỉ cho phép người dùng chọn một đáp án đúng duy nhất trong Google Forms?

A. Câu trả lời ngắn

B. Hộp kiểm

C. Tải tệp lên

D. Trắc nghiệm

Câu 53: Điều gì xảy ra khi nhúng biểu mẫu vào Google Sites?

A. Biểu mẫu sẽ bị cố định và không thể chỉnh sửa sau khi nhúng

B. Người dùng chỉ có thể xem mà không thể nhập dữ liệu vào

C. Phải tải xuống biểu mẫu trước khi có thể điền thông tin

D. Người dùng có thể điền trực tiếp vào biểu mẫu trên trang web

Câu 54: Để xem số lượng phản hồi của người dùng trên Google Forms, ta cần thao tác nào?

A. Xem trong Google Drive

B. Không thể xem số lượng phản hồi

C. Mở biểu mẫu và chọn tab "Câu trả lời"

D. Vào Google Sheets để xem

Câu 55: Khi muốn xem toàn bộ phản hồi của biểu mẫu ở dạng bảng, bạn cần làm gì?

A. Vào Google Forms, chọn "Câu trả lời", nhấn "Xem trong trang tính"

B. Sao chép từng phản hồi và dán thủ công vào Google Docs

C. Chuyển phản hồi thủ công vào Microsoft Excel để quản lý

D. Xuất phản hồi ra tệp PDF để dễ dàng đọc và chia sẻ hơn

Câu 56: Để tạo một biểu mẫu mới trong Google Forms, ta cần làm gì trước tiên?

A. Tạo một trang Google Sites trước khi thiết lập biểu mẫu

B. Mở Google Forms và chọn tạo biểu mẫu mới để bắt đầu

C. Tải xuống và cài đặt phần mềm Google Forms trên máy tính

D. Nhập dữ liệu trực tiếp vào Google Sheets để sử dụng

Câu 57: Biểu mẫu (Form) trong Google Sites được tạo bằng công cụ nào?

A. Google Drive

B. Google Sheets

C. Google Forms

D. Google Docs

Câu 58: Vì sao cần sử dụng bố cục hợp lý trong trang web?

A. Giúp người dùng dễ dàng tìm kiếm thông tin

B. Chỉ để trang web đẹp hơn

C. Để tránh phải chỉnh sửa nội dung

D. Giúp trang web tải nhanh hơn

Câu 59: Khi tạo thanh điều hướng, yêu cầu nào là đúng?

A. Không cần xuất hiện trên trang chủ

B. Chỉ dùng cho phiên bản di động

C. Thanh điều hướng chỉ nên có một trang

D. Cần có các liên kết đến các trang con

Câu 60: Khi xuất bản trang web, điều gì xảy ra?

A. Trang web được lưu trữ trên Google Drive

B. Chỉ có người tạo mới xem được trang

C. Trang web sẽ bị xóa sau 7 ngày

D. Trang web có thể được truy cập qua đường dẫn URL

Câu 61: Khi xây dựng trang web theo chủ đề, yêu cầu nào sau đây là bắt buộc?

A. Chỉ sử dụng văn bản thuần chữ

B. Không sử dụng thanh điều hướng

C. Có nội dung đa phương tiện và bố cục hợp lý

D. Trang web không cần có liên kết

Câu 62: Một trang web hoàn chỉnh cần có những yếu tố nào sau đây?

A. Không cần liên kết đến các trang khác

B. Không cần có thanh điều hướng

C. Chỉ cần có hình ảnh đẹp

D. Nội dung, bố cục hợp lý, màu sắc hài hòa

II. PHẦN CÂU TRẢ LỜI ĐÚNG – SAI

Câu 1: Một trang web tiêu chuẩn thường được chia thành nhiều phần với chức năng khác nhau để cung cấp nội dung và điều hướng cho người dùng. Dựa trên hiểu biết của em, hãy xác định các phát biểu sau là đúng hay sai?

- a) Một trang web đầy đủ gồm 3 phần chính: header, body và footer.
- b) Phần footer chỉ chứa thông tin liên hệ và không bao gồm các liên kết mạng xã hội.
- c) Favicon là biểu tượng hiển thị ở góc trên bên trái của trang web.
- d) Phần header thường chứa logo, tên trang và thanh điều hướng.

Câu 2: Google Sites cung cấp một môi trường trực quan giúp người dùng dễ dàng tạo và tùy chỉnh trang web mà không cần kiến thức lập trình. Dựa trên hiểu biết của bạn, hãy xác định các phát biểu sau là đúng hay sai:

- a) Dòng "Nhập tên trang web" chỉ dành để nhập tên trang mà không chứa logo hay favicon.
- b) Phần "Trang web không có tiêu đề" là nơi nhập tên tệp lưu trữ trang web và được lưu trữ vào Google Drive của người dùng.
- c) Giao diện đầu tiên của Google Sites gồm ba phần: phần trên cùng (ô tìm kiếm và ứng dụng), phần chọn tạo trang mới, và danh sách các trang đã mở trước đó.
- d) Các tùy chọn kích thước phần đầu trang (Bìa, Biểu ngữ lớn, Biểu ngữ, Chỉ có tiêu đề) chỉ khác nhau về chiều cao.

Câu 3: Trong Google Sites, người dùng có thể tùy chỉnh thanh điều hướng để phù hợp với bố cục và mục đích của trang web. Xác định tính chính xác của từng phát biểu sau:

- a) Thanh điều hướng chỉ hoạt động trên máy tính, không hỗ trợ điện thoại.
- b) Thanh điều hướng không cần thiết với các trang web nhỏ.
- c) Google Sites cho phép tùy chỉnh vị trí hiển thị thanh điều hướng.
- d) Thanh điều hướng giúp người dùng truy cập các trang dễ dàng hơn.

Câu 4: Hãy đánh giá tính Đúng hoặc Sai của các phát biểu dưới đây liên quan đến phần chân trang của website

- a) Các thao tác chỉnh sửa đối tượng trong chân trang hoạt động khác biệt so với phần thân trang.
- b) Phần chân trang thường chứa thông tin về thương hiệu, bản quyền, liên hệ và liên kết đến mạng xã hội.
- c) Phần chân trang là nơi hiển thị những thông tin phụ trợ và không cần thiết chỉnh sửa thường xuyên.
- d) Người dùng có thể chèn khối văn bản vào phần chân trang và sắp xếp chúng theo ý muốn.

Câu 5: Hãy đánh giá tính Đúng hoặc Sai của các phát biểu dưới đây liên quan đến việc nhúng biểu mẫu Google Forms vào Google Sites. Việc nhúng biểu mẫu cho phép người dùng thu thập dữ liệu trực tiếp từ trang web, giúp tối ưu hóa quy trình thu thập và quản lý thông tin. Xác định tính chính xác của từng phát biểu sau:

- a) Biểu mẫu không thể chỉnh sửa sau khi nhúng vào Google Sites.
- b) Biểu mẫu có thể được nhúng vào bất kỳ vị trí nào trên trang web.
- c) Người dùng có thể điền biểu mẫu trực tiếp trên trang web.
- d) Phản hồi từ biểu mẫu được lưu trữ trong Google Forms.

Câu 6 : Hãy đánh giá tính Đúng hoặc Sai của các phát biểu dưới đây liên quan đến Google Sites – một công cụ tạo trang web miễn phí do Google cung cấp.

- a) Google Sites không hỗ trợ nhúng biểu mẫu hoặc video.
- b) Người dùng có thể tùy chỉnh bố cục và giao diện trang web.
- c) Google Sites không cho phép tạo thanh điều hướng.
- d) Google Sites cho phép tạo trang web mà không cần biết lập trình.

Câu 7. Đánh giá các câu sau về các phần của trang web. Đánh dấu Đúng (D) hoặc Sai (S).

- a) Phần đầu trang (header) thường chứa thông tin như hình nền, logo, tên trang, và thanh điều hướng, và có vai trò giống như trang bìa thu gọn của cuốn sách.
- b) Phần thân trang (body) chỉ chứa thông tin về thương hiệu và bản quyền.
- c) Phần chân trang (footer) có thể bao gồm thông tin về thương hiệu, bản quyền, bảo mật, và liên kết tới các trang mạng xã hội.
- d) Favicon thường là phiên bản thu gọn của logo trang và hiển thị trên tiêu đề của tab trình duyệt.

Câu 8. Trong giờ thực hành thiết kế một trang web, Nhóm bạn có một số thảo luận như dưới đây, nhận xét sau đúng hay sai?

- a) Mỗi trang con có thể có các trang con của nó.
- b) Trang web có thể tổ chức theo cấu trúc hình tròn để tối ưu hóa điều hướng.
- c) Liên kết trong bài giới thiệu giúp người dùng truy cập nhanh đến trang có thông tin chi tiết.
- d) Trang con không thể thêm nội dung riêng, chỉ hiển thị nội dung của trang chủ.

Câu 9. Chọn đúng hoặc sai cho các phát biểu sau:

- a) Để tạo biểu mẫu trong Google Forms, trước tiên cần phải chuẩn bị biểu mẫu.
- b) Google Forms không hỗ trợ tùy chỉnh giao diện của biểu mẫu.
- c) Biểu mẫu trong Google Forms có thể chứa các câu hỏi dạng trắc nghiệm.
- d) Dữ liệu phản hồi từ biểu mẫu có thể được hiển thị dưới dạng biểu đồ.

-----HẾT-----